

Bắc Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ánh Dương

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Minh Hà - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 11/2025/TLST-LĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 11/2025/QĐST-VLĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/6/1996 (Có mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 29/08/1995 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, tỉnh Bắc Ninh

+ Công ty TNHH U

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kim Y - Tổng giám đốc (Vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị Mừng K, Trưởng phòng (Có mặt)

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh T - Chức vụ: Giám đốc
(Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Đăng H2 - Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra, Bảo hiểm xã hội tỉnh B (Vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

** Tại đơn yêu cầu giải quyết việc lao động ghi ngày 10/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Do bị mất Căn cước công dân nên tháng 12 năm 2009, chị Nguyễn Thị H hỏi mượn Căn cước công dân của chị Ngụy Thị H1, mục đích để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH U (sau đây viết tắt là Công ty). Khi hỏi mượn, chị Nguyễn Thị H không nói cho chị Ngụy Thị H1 biết là để ký kết hợp đồng lao động. Sau đó chị Nguyễn Thị H và Công ty đã giao kết hợp đồng lao động với tên Ngụy Thị H1. Chị Nguyễn Thị H làm việc tại Công ty trong thời gian từ ngày 16/4/2014 đến tháng 2/2022 thì nghỉ việc. Quá trình lao động tại Công ty, chị Nguyễn Thị H có tham gia Bảo hiểm xã hội và đã được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 2414014000 mang tên Ngụy Thị H1. Thời gian thực hiện hợp đồng lao động, chị Nguyễn Thị H chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của Công ty. Đến hết tháng 2/2022, do không thể tiếp tục lao động chị Nguyễn Thị H làm đơn xin nghỉ việc và được Công ty đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, chị Nguyễn Thị H chưa làm thủ tục nhận tiền trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần trong thời gian từ tháng 5/2014 đến tháng 2/2022 tham gia Bảo hiểm xã hội tại sổ Bảo hiểm xã hội số 22414014000.

Tại thời điểm chị Nguyễn Thị H mượn căn cước công dân của chị Ngụy Thị H1 để giao kết hợp đồng lao động thì chị Ngụy Thị H1 đang lao động ở Công ty TNHH C từ tháng 6/2014 đến ngày 02/7/2014 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Trong quá trình lao động tại Công ty TNHH C, chị Ngụy Thị H1 tham gia bảo hiểm từ tháng 6/2014 đến tháng 6/2014 và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số số 2414017499.

Nay chị Nguyễn Thị H thấy việc lấy tên Ngụy Thị H1 để ký kết hợp đồng lao động, làm việc và đóng bảo hiểm từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2022 là vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động. Do vậy, chị Nguyễn Thị H yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động số HĐ (No): HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 đã ký giữa chị nhưng lấy tên Ngụy Thị H1 với Công ty TNHH U vô hiệu. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Tại Bản tự khai ghi ngày 28/10/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngụy Thị H1 trình bày:*

Tháng 5/2014, chị Nguyễn Thị H có hỏi mượn Căn cước công dân của chị Ngụy Thị H1 để xin việc làm. Do không hiểu biết pháp luật nên chị Ngụy Thị H1 đã đồng ý và giao Căn cước công dân của chị Ngụy Thị H1 cho chị Nguyễn

Thị H. Khi giao Căn cước công dân cho chị Nguyễn Thị H mượn thì chị Nguyễn Thị H1 vẫn đang lao động tại Công ty TNHH C từ tháng 6/2014 đến tháng 6/2014. Trong quá trình lao động tại các công ty, chị Nguyễn Thị H1 được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 2414017499.

Trong cùng thời gian tháng 6/2014 đến tháng 6/2014, chị Nguyễn Thị H1 đứng tên và tham gia Bảo hiểm xã hội tại 02 sổ bảo hiểm xã hội, trong đó, sổ Bảo hiểm xã hội số 22414014000 do chị Nguyễn Thị H tham gia và sổ Bảo hiểm xã hội số 2414017499 do chị Nguyễn Thị H1 tham gia. Chị Nguyễn Thị H1 thấy việc cho chị Nguyễn Thị H mượn Căn cước công dân giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH U là vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động nên chị Nguyễn Thị H1 đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số HĐ (No): HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 đã ký giữa chị Nguyễn Thị H nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH U vô hiệu.

** Tại Bản tự khai ghi ngày 28/10/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH U do bà Ngô Thị Mường K đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

- Ngày 17/3/2014, Công ty TNHH U đã tiếp nhận bà Nguyễn Thị H1; sinh ngày 29/08/1995; Số CCCD: 122210981 vào làm việc. Mã nhân viên 140152; Công việc: Công nhân vận hành máy may công nghiệp. SON:

Ngày 16/04/2014, Công ty TNHH U và bà Nguyễn Thị H1 ký hợp đồng lao động xác định thời hạn lần 01 có hiệu lực từ ngày 16/4/2014 đến 31/12/2015; Bắt đầu tham gia/đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 5/2014. Số Sổ BHXH: 2414014000.

Ngày 01/01/2016, Công ty TNHH U và bà Nguyễn Thị H1 ký hợp đồng lao động xác định thời hạn lần 02 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2017.

- Ngày 01/01/2018, Công ty TNHH U và bà Nguyễn Thị H1 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Ngày 01/3/2022, Công ty TNHH U và bà Nguyễn Thị H1 chấm dứt quan hệ lao động theo đơn xin thôi việc của Bà Nguyễn Thị H1.

Sau thời điểm thôi việc, bà Nguyễn Thị H1 có thông báo với Công ty TNHH U về sự việc mình tên thật là Nguyễn Thị H; Sinh ngày 16/06/1996; Số CCCD 27196001731. Tại thời điểm ngày 17/3/2014, mượn CCCD và hồ sơ của Nguyễn Thị H1; sinh ngày 29/08/1995; Số CCCD: 122210981 để vào làm việc tại Công ty TNHH U.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nguyên tắc trung thực, nghĩa vụ cung cấp thông tin khi xác lập quan hệ lao động. Nay, Công ty TNHH U đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về tuyên bố Hợp đồng lao động số HĐ (No): HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 đã ký giữa bà Nguyễn Thị H nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH U vô hiệu.

** Tại Bản tự khai ghi ngày 30/11/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh, do ông Phạm Đăng H2 đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

1. Theo dữ liệu trên phần mềm của cơ quan BHXH đang quản lý cho thấy:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 29/8/1995, số CMT 122210981, CCCD 024195010422, có đóng BHXH của 02 mã số BHXH: 2414017499 và 2414014000, có quá trình tham gia đóng BHXH:

- Mã số BHXH 2414017499, có thời gian đóng BHXH từ tháng 06/2014 đến tháng 06/2014 tại Công ty TNHH C (mã đơn vị YN0050Z) do Văn phòng BHXH tỉnh B quản lý thu. Mã số 2414017499 chưa hưởng BHXH 1 lần.

- Mã số BHXH 2414014000, có thời gian đóng BHXH:

+ Từ tháng 05/2014 đến tháng 02/2022 tại Công ty TNHH U (mã đơn vị YN0006Z) do Văn phòng BHXH tỉnh B (02400) quản lý thu.

+ Từ tháng 04/2022 đến tháng 08/2022 tại Công ty TNHH V (mã đơn vị YN0120L) do BHXH cơ sở V1 (02409) quản lý thu.

+ Từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2024 tại Công ty TNHH L (mã đơn vị YN0067Z) do Văn phòng BHXH tỉnh B (02400) quản lý thu.

+ Từ tháng 05/2025 đến tháng 07/2025 tại Công ty TNHH S (mã đơn vị YN0021Z) do BHXH cơ sở K1 (02703) quản lý thu.

+ Từ tháng 09/2025 đến nay tại Công ty TNHH L (mã đơn vị YN0067Z) do Văn phòng BHXH tỉnh B (02400) quản lý thu.

Mã số BHXH 2414014000 đã hưởng chế độ BHTN, chưa hưởng chế độ BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu trên phần mềm của cơ quan BHXH đang quản lý, bà Nguyễn Thị H1 đóng BHXH trùng thời từ tháng 06/2014 đến tháng 06/2014 tại Công ty TNHH U (00 năm 01 tháng).

2. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh:

- Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 29/8/1995, với Công ty TNHH U là vô hiệu.

- Xem xét hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại sổ hoặc cấp mới sổ BHXH và xác nhận quá trình đóng BHXH của sổ BHXH 2414014000 từ bà Nguyễn Thị H1, sinh 29/8/1995, sang bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/6/1996, có thời gian đóng BHXH từ tháng 05/2014 đến tháng 02/2022 tại Công ty TNHH U.

3. Các bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên hệ với BHXH tỉnh B (địa chỉ số B đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh) để được hướng dẫn cấp lại sổ BHXH theo quy định.

Vì lý do công việc nên ông không thể có mặt tại Tòa án được, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh cho ông vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, phiên họp giải quyết việc lao động nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc lao động và phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc lao động và tại phiên họp tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng lao động.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, 51 Bộ luật Lao động; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH:

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị H: Tuyên bố Hợp đồng lao động số HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 ký giữa chị Nguyễn Thị H (lấy tên Ngụy Thị H1) với Công ty TNHH U vô hiệu. Chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức liên quan để được hướng dẫn cấp lại sổ BHXH, hiệu chỉnh thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1-Bắc Ninh nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng trên vắng mặt tại phiên họp, có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng lao động, Chủ tọa phiên họp quyết định tiếp tục phiên họp giải quyết việc lao động.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, do đó xác định yêu cầu của chị Nguyễn Thị H thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 02/11/2009, người lao động là chị Nguyễn Thị H và Công ty TNHH U có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh ký hợp đồng lao động. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Chị Nguyễn Thị H mượn giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân) của chị Ngụy Thị H1 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH U từ ngày 16/4/2014 và làm việc đến ngày 01/3/2022 thì chấm dứt lao động, đã được tham gia Bảo hiểm xã hội đầy đủ theo sổ Bảo hiểm xã hội số 2414014000 với tên Ngụy Thị H1. Như vậy, chủ thể trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH U là chị Nguyễn Thị H mà không phải là chị Ngụy Thị H1.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”*.

Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng lao động số HĐ (No): HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 đã giữa chị Ngụy Thị H1 với Công ty TNHH U nêu trên vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động Ngụy Thị H1 với Công ty TNHH U vô hiệu là phù hợp quy định của pháp luật và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chị Ngụy Thị H1, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh là có cơ sở. Chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh B để được hướng dẫn cấp lại sổ Bảo hiểm xã hội, hiệu chỉnh nhân thân theo quy định. Việc hiệu chỉnh hồ sơ bảo hiểm xã hội, cấp lại sổ hoặc cấp mới sổ bảo hiểm xã hội và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của sổ sổ bảo hiểm xã hội

2414014000 từ bà Ngụy Thị H1, sinh 29/8/1995, sang bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/6/1996, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2014 đến tháng 02/2022 tại Công ty TNHH U thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

[5] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Người tham gia tố tụng không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí lao động sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động 1994; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số HĐ (No): HDT 04/2014-40 ngày 16/4/2014 giữa người lao động Ngụy Thị H1 với Công ty TNHH U (Theo sổ Bảo hiểm xã hội số 2414014000) vô hiệu.

Chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh B để được hướng dẫn cấp lại sổ Bảo hiểm xã hội, hiệu chỉnh nhân thân theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Bắc Ninh theo Biên lai thu số 0002105 ngày 21/10/2025. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1-Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1-Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ánh Dương